TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2017.
" *V/v kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn thị Thiết.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Đình Mạnh và ông Vũ Đăng Đông.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông An Văn Khoái - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đã mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2017/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2017 về việc kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2017/QĐST - HNGĐ ngày 07/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị B - sinh năm 1982.
HKTT: Tổ 24, Phường V, Quận H - Thành phố H.
Nơi tạm trú: Thôn P, xã V, huyện B, tỉnh H - Có mặt.
Bị đơn: Anh Trần N sinh năm 1975.
HKTT: Tổ 24, phường V, quận H - Thành phố H;
Nơi tạm trú: Thôn P, xã V, huyện B, tỉnh H - Vắng mặt lần 2 không có lý do.
Người làm chứng: Ông Đinh Hữu V - sinh năm 1957
Bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1957
HKTT: Thôn P, xã V, huyện B, tỉnh H - Vắng mặt.

Nội dung vụ án

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2017, các bản tự khai và tại phiên tòa, chị Đinh Thị B là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần N trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, Thành phố H ngày 17/9/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng mở cửa hàng kinh doanh ga, bếp ga… tại phường V, Quận H, Thành phố H. Quá trình làm ăn kinh doanh phát triển thuận lợi. Anh N không tập trung làm ăn buôn bán với chị mà thường xuyên chơi bời cờ bạc với mọi hình thức như lô, đề, cá độ… mỗi lần đi chơi về bị thua lỗ, anh N lại ép chị đưa tiền của nhà và đi vay mượn để trả nợ. Lúc đầu chị cũng nghe theo và dùng lời lẽ khuyên bảo hy vọng anh N thay đổi nhưng anh N không nghe, không thay đổi mà còn chơi bời nhiều hơn. Số tiền thua bạc lên đến hàng tỷ đồng, anh N bắt chị phải trả nợ, chị không nghe nên anh N chửi bới, đánh đập chị, sau đó vợ chồng phải bán cửa hàng và căn nhà ở H mà bố mẹ đẻ anh N cho để trả nợ. Còn dư tiền, vợ chồng đã mua nhà ở H để ở nhưng anh N vẫn thường xuyên chơi bời cờ bạc bị thua lỗ nên vợ chồng đã phải bán tiếp căn nhà ở H để trả nợ thua bạc cho anh N. Năm 2012, chị phải đưa cả 3 con về quê mẹ đẻ ở thôn P, xã V, huyện B sinh sống, anh N cũng về theo. Bố mẹ chị đã cho riêng chị 1 mảnh đất và cho tiền để chị xây 1 căn nhà cấp 4 mẹ con chị ở. Khi về quê sinh sống, chị mong anh N sẽ thay đổi tính nết, tu chí làm ăn không chơi bời nhưng nay anh vẫn thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời cờ bạc, vợ chồng đã nhiều lần xảy ra cãi nhau, đánh nhau làm mất trật tự trong thôn xóm. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh N được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 3 con chung là: Trần Mạnh H - sinh ngày 08/3/2004, Trần Mạnh C sinh ngày 7/2/2006, Trần Đức P sinh ngày 31/7/2013 đang ở với chị, được chị và gia đình bố mẹ đẻ giúp đỡ nuôi dưỡng cho ăn học đầy đủ. Nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 3 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh N hiện tại không có nhà cửa, không có nghề nghiệp gì.

Về tài sản chung: Không có gì nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải, bị đơn anh Trần N trình bầy: Anh và chị B kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, Thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Hà Nội và làm ăn kinh doanh. Đến năm 2012, vợ chồng chuyển về quê chị B tại thôn P, xã V sinh sống. Quá trình chung sống anh xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn cãi nhau nhiều lần kể cả khi sống ở Hà Nội và ở quê chị B. Anh cũng thừa nhận có việc đi chơi bời cờ bạc bị thua lỗ. Về kinh tế vợ chồng không thống nhất và không có tiếng nói chung, chị B hiểu lầm anh lên cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Nay chị B xin ly hôn anh, anh đề nghị tòa án để chị B rút đơn về vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 3 con chung là: Trần Mạnh H - sinh ngày 08/3/2004, Trần Mạnh C sinh ngày 7/2/2006, Trần Đức P sinh ngày 31/7/2013 đang ở với chị B, nếu ly hôn anh xin được nuôi cả 3 con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về chứng cứ trong vụ án:

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị B, anh N.

- Tài liệu chị B cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung, Hợp đồng chuyển nhượng cửa hàng, Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, Giấy nhận và thanh toán tiền bán nhà, chuyển quyền sử dụng đất; Văn bản công nhận tài sản riêng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị B đều là bản phô tô.

Lời khai người làm chứng: Bà Nguyễn Thị B, ông Đinh Hữu V là bố mẹ đẻ chị B: Sau khi kết hôn chị B, anh Nh sinh sống tại Hà Nội. Quá trình chung sống hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên chơi bời cờ bạc, khi chị B sinh con, ông bà lên chăm sóc nhiều lần chứng kiến cảnh anh N đánh chị B. Ông bà đã khuyên bảo anh N nhiều lần nhưng không nghe, vẫn chơi bời cờ bạc và còn bị Tòa án xét xử. Do anh N đánh bạc bị thua lỗ nhiều nên phải bán nhà ở Hà nội và bán cả nhà ở H để trả nợ cờ bạc. Chị B phải đưa con về quê sinh sống. Ông bà đã cho riêng chị B 1 mảnh đất và cho tiền để chị B xây 1 nhà cấp 4 mẹ con chị B ở. Nay chị B xin ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 3 con chung hiện đang do chị B nuôi dưỡng. Ông bà đề nghị Tòa án giao cho chị B tiếp tục nuôi cả 3 cháu, ông bà sẽ có trách nhiệm giúp đỡ chị B nuôi con vì hiện tại anh N mải chơi cờ bạc không quan tâm gì đến vợ con, không có nhà cửa, không có nghề nghiệp gì .

Xác minh tại địa phương, UBND xã V có quan điểm: Chị B, anh N đăng ký kết hôn năm 2001 tại H. Đến năm 2012, hai vợ chồng và con cái về tạm trú tại thôn P, xã V cho đến nay. Theo cơ sở thôn cung cấp thì anh N, chị B nhiều lần mâu thuẫn cãi nhau và đánh nhau làm mất trật tự an ninh trong thôn xóm. Theo phản ánh của bà con trong thôn xóm thì anh N chơi bời cờ bạc bị thua lỗ phải về quê vợ sống trên mảnh đất và nhà của bố mẹ chị B cho riêng chị B. Nay chị B xin ly hôn anh N, địa phương đề nghị Tòa án nên giải quyết cho chị B được ly hôn anh N.

Lời khai của cháu Trần Mạnh H và cháu Trần Mạnh C là con đẻ của hai anh chị đều xác định: Quá trình chung sống đã nhiều lần các cháu chứng kiến cảnh bố mẹ đánh nhau, cãi nhau. Bố cháu không chịu làm ăn, hay đi chơi bời. Hiện nay bố cháu bỏ đi không ở cùng mẹ con cháu, thỉnh thoảng mới về thăm các cháu. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn, các cháu đều xin được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ kiện đến khi xét xử, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Bị đơn đã được tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt làn 2 không có

lý do nên bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B : Xử cho chị B được ly hôn anh N.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị B được nuôi dưỡng cả 3 con chung Trần Mạnh H sinh ngày 08/3/2004, Trần Mạnh C sinh ngày 7/2/2006, Trần Đức P sinh ngày 31/7/2013 cho đến khi 18 tuổi tròn. Chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Về án phí: Chị B phải chịu 300.000đ án phí DSST ly hôn được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện B.

Nhận định của tòa án

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án ;Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh N được tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử ly hôn vắng mặt anh N.

[2] . Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đinh Thị B và anh Trần N trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới hai anh chị chung sống và làm ăn kinh doanh tại phường V, quận H, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống do anh N không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với cuộc sống của vợ con, thường xuyên mải mê chơi bời cờ bạc bị thua lỗ nhiều dẫn đến phải bán cả cửa hàng, nhà cửa đi để trả nợ. Mặc dù đã được chị B và gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Sau khi về quê vợ ở xã V sinh sống, anh cũng không chịu đi làm kiếm tiền lo cho cuộc sống gia đình mà vẫn thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời. Chị B khuyên can nhiều lần không những anh N không thay đổi mà còn thường xuyên chửi bới đánh đập chị. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do anh N không có trách nhiệm của một người chồng, người cha trong gia đình, không chăm lo xây dựng cuộc sống gia đình ấm no hạnh phúc như những gia đình khác và không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị B xin ly hôn anh, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị B được ly hôn anh N.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 3 con chung: Trần Mạnh H - sinh ngày 08/3/2004, Trần Mạnh C sinh ngày 7/2/2006, Trần Đức P sinh ngày 31/7/2013 đều đang ở với chị B. Xét thấy anh N hiện tại không có nghề nghiệp gì, không có nhà ở, còn chị B hiện vẫn đang nuôi dưỡng cả 3 con chung, các cháu đều được ăn học đầy đủ, chị B có nhà đất riêng, đang kinh doanh buôn bán mức thu nhập khoảng 15.000.000đ/ 1 tháng cùng với sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ chị lên có đủ điều kiện để nuôi cả 3 con chung, vì vậy căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con khi ly hôn cần giao cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng cả 3 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu xin được ở với mẹ. Chị B tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng nên cần xử chấp nhận sự tự nguyện của chị. Anh N có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Không có nên không phải giải quyết.

[2.4] . Về án phí: Chị B là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị B được ly hôn anh Trần N.

Về quan hệ con chung: Xử giao 3 con chung là Trần Mạnh H - sinh ngày 08/3/2004, Trần Mạnh C sinh ngày 7/2/2006 và Trần Đức P sinh ngày 31/7/2013 cho chị Đinh Thị B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi tròn.(Cả 3 cháu hiện đang ở với chị B). Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Anh N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Chị B phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ tại biên lai số AB/2014/0002327 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị B đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Đã báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thiết

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Thiết

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bình Giang;
- THA dân sự huyện Bình Giang;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thiết

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Thiết

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bình Giang;
- THA dân sự huyện Bình Giang;
- Nguyên đơn, bị đơn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thiết

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Thiết